TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN CHÂU** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2020/HS-ST
Ngày: 24-7-2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hòa Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Trường Vũ

2. Ông Nguyễn Quốc Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Cù Ngọc Sang - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2020 tại Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 33/2020/TLST-HS ngày 11 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 158/2020/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

Trần Th H(Tèo), sinh năm 1981; nơi cư trú: Ấp V T 1, xã L C, thị xã T C, tỉnh A G; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Đạo phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Đức và bà Nguyễn Thị Q; vợ: Trần Thị Th T; con: Có 02 người lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2018; anh chị em ruột: Có 02 người, bị cáo là người thứ nhất.

Tiền án; tiền sự: không.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Bà Trương T N, sinh năm 1952. Nơi cư trú: Ấp V T 1, xã L C, thị xã T C, tỉnh A G (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền cho bà Trương T N: Anh Lê Đ D, sinh năm 1979. Nơi cư trú: Ấp V T 1, xã L C, thị xã T C, tỉnh A G (có mặt);

+ Bà Nguyễn Thị B L(Tư Thảo), sinh năm 1957. Nơi cư trú: Ấp V T 1, xã L C, thị xã T C, tỉnh A G (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền cho bà Nguyễn Thị B L: Anh Trương Q Th, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Ấp V T 1, xã L C, thị xã T C, tỉnh A G (có

mặt);

+ Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1958. Nơi cư trú: Ấp V T 1, xã L C, thị xã T C, tỉnh A G (Có mặt);

Người làm chứng:

- Nguyễn T H(Đức), sinh năm 1951 (vắng mặt);
- Nguyễn Th M, sinh năm 1973 (vắng mặt);
- Nguyễn Th T(Mến), sinh năm 1968 (vắng mặt);
- Trần Thị B Ph(Bé Em), sinh năm 1984 (vắng mặt);
- Trương Th Nh, sinh năm 1953 (vắng mặt);
- Nguyễn Th L(Hùng), sinh năm 1960 (vắng mặt);
- Lê M N, sinh năm 1981 (vắng mặt);
- Đinh K T(Út Đảm), sinh năm 1961(vắng mặt);
- Nguyễn Th T, sinh năm 1974 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 20/01/2020, Trần Th H đi xuống sàn nhà của H thuộc tổ 1, ấp V Th 1, xã L Ch, thị xã T Ch để quét rác, do nhà của H và nhà của bà Nguyễn Thị B Lở gần nhau và khoảng cách giữa hai căn nhà là khoảng 01 - 02 mét và sàn nhà của H có lưới rào xung quanh, nên khi quét rác xong, H gom lại một đóng cao khoảng 0,5 mét, rộng khoảng 01 mét để dưới sàn nhà của bà L. Sau đó, H bật lửa đốt rác, do nghỉ lửa sẽ không cháy đến sàn nhà của bà L, nên H bỏ đi ra phía trước, cách nơi H đốt rác khoảng 10 mét, để tiếp tục dọn vệ sinh sàn nhà của H và không quan sát lửa đang cháy. Khoảng 10 phút sau, H nghe tiếng nổ từ nơi đóng rác đang cháy, H quay lại nhìn, phát hiện lửa đã bốc cháy lên sàn nhà của bà L, H liền dùng vòi nước tưới cây của ông Nguyễn T H xịt vào ngọn lửa đang cháy và tri hô lên cho mọi người xung quanh đến, để tiếp chữa cháy và trình báo với Công an xã L Ch, thị xã T Ch, nhưng do ngọn lữa cháy lớn, nên đã làm cháy nhà của bà L, rồi cháy đến nhà của bà Trương T N và nhà của bà Nguyễn Thị Q (mẹ của H), làm thiệt hại nhà và tài sản của bà L, bà N và bà Qu. Đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, ngọn lửa được dập tắt hoàn toàn.

Ngày 14/5/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã Tân Châu, khởi tố Trần Thanh H, về tội "Vô ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản".

Vật chứng thu giữ trong vụ án:

- 02 cục giấy nhựa, bị cháy than hóa, không rõ hình dạng, kích thước 7,5cm x 4,5cm x 03cm và 5,5cm x 5,5cm x 03cm.

* Căn cứ các Kết luận định giá số 02, 03, 04 ngày 24/02/2020 và các Kết luận số 26, 27 ngày 07/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản, trong Tố tụng hình sự thị xã Tân Châu, Kết luận:

- Tổng thiệt hại tài sản và tiền Việt Nam của bà Trương T N là: 380.297.500 đồng.

- Tổng thiệt hại tài sản của bà Nguyễn Thị B L là: 231.900.500 đồng.

- Tổng thiệt hại tài sản của bà Nguyễn Thị Q là: 79.004.000 đồng.

* Tổng cộng: 691.202.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 35/CT-VKS ngày 10 tháng 6 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu truy tố bị cáo Trần Th H về tội "*Vô ý gây thiệt hại nghiêm trong đến tài sản*" theo quy định tại khoản 2 Điều 180 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Th H thừa nhận hành vi như nội dung cáo trạng đã truy tố. Trong lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, đại diện theo ủy quyền của bà N, bà L và bà Qu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H.

- Anh Lê Đ D đại diện theo ủy quyền cho bị hại bà Trương T N, Anh Trương Q Th đại diện theo ủy quyền cho bị hại bà Nguyễn Thị B L, bà Nguyễn Thị Q và người làm chứng chị Trần Thị B Ph trình bày phù hợp với nội dung vụ án

Những người làm chứng Nguyễn T H, Nguyễn Th M, Nguyễn T T, Trương Th Nh, Nguyễn T L, Lê M N, Đinh K T, Nguyễn Th T vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có lời khai thể hiện trong hồ sơ phù hợp với nội dung vụ án.

Về trách nhiệm dân sự:

Anh Lê Đ D đại diện theo ủy quyền cho bị hại bà Trương T N yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại tài sản cho bà Ntổng cộng 380.297.500 đồng.

Anh Trương Q Th đại diện theo ủy quyền cho bị hại bà Nguyễn Thị B Lyêu cáo phải bồi thường thiệt hại tài cho bà L tổng cộng 231.900.500 đồng.

Bà Nguyễn Thị Q có thiệt hại tài sản tổng cộng 79.004.000 đồng, nhưng bà Qu cho rằng bị cáo là con của bà, nên không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại tài sản cho bà.

Bị cáo H đồng ý bồi thường thiệt hại tài sản cho bà Trương T N bà Nguyễn Thị B L theo yêu cầu của Anh Lê Đ D và Anh Trương Q Th.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ quan điểm như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Căn cứ vào tính chất và mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo H gây ra, căn cứ vào các, tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2

Điều 180; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Th Hmức án từ 02(hai) đến 03(ba) năm, cải tạo không giam giữ

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự, công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo H và đại diện theo ủy quyền của bị hai, bị cáo có trách nhiệm bồi thường thiệt hại tài sản cho Trương T N số tiền 380.297.500 đồng, bồi thường thiệt hại tài sản bà Nguyễn Thị B L số tiền 231.900.500 đồng, bà Bà Nguyễn Thị Q không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại tài sản, đề nghị không đề cập giải quyết

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

Tịch thu tiêu hủy: 02 cục giấy nhựa, bị cháy than hóa, không rõ hình dạng, kích thước 7,5cm x 4,5cm x 03cm và 5,5cm x 5,5cm x 03cm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng,

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo; bị hại; người làm chứng có mặt tại phiên tòa, không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện.

[2] Sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Những người làm chứng Nguyễn T H, Nguyễn Th M, Nguyễn T T, Trương Th Nh, Nguyễn T L, Lê M N, Đinh K T, Nguyễn Th T đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Tuy nhiên, những người này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự quyết định vẫn tiến hành xét xử.

Về nội dung:

[3] Hành vi phạm tội

Khoảng 09 giờ ngày 20/01/2020, Trần Th H đi xuống sàn nhà của H thuộc tổ 1, ấp V Th 1, xã L Ch, thị xã T Ch để quét rác, do nhà của H và nhà của bà Nguyễn Thị B Lở gần nhau và khoảng cách giữa hai căn nhà là khoảng 01 - 02 mét và sàn nhà của H có lưới rào xung quanh, nên khi quét rác xong, H gom lại một đóng cao khoảng 0,5 mét, rộng khoảng 01 mét để dưới sàn nhà của bà L.

Sau đó, H bật lửa đốt rác, do nghỉ lửa sẽ không cháy đến sàn nhà của bà L, nên H bỏ đi ra phía trước, cách nơi H đốt rác khoảng 10 mét, để tiếp tục dọn vệ sinh sàn nhà của H và không quan sát lửa đang cháy. Khoảng 10 phút sau, H nghe tiếng nổ từ nơi đóng rác đang cháy, H quay lại nhìn, phát hiện lửa đã bốc cháy lên sàn nhà của bà L, H liền dùng vòi nước tưới cây của ông Nguyễn T H xịt vào ngọn lửa đang cháy và tri hô lên cho mọi người xung quanh đến, để tiếp chữa cháy và trình báo với Công an xã L Ch, thị xã T Ch, nhưng do ngọn lữa cháy lớn, nên đã làm cháy nhà của bà L, rồi cháy đến nhà của bà Trương T N và nhà của bà Nguyễn Thị Q (mẹ của H), làm thiệt hại nhà và tài sản của bà L số tiền 231.900.500 đồng. bà Nsố tiền 380.297.500 đồng và bà Qu số tiền 79.004.000 đồng, thiệt hại tổng cộng 691.202.000 đồng

Tại phiên tòa, bị cáo H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận của bị cáo còn phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác như biên bản khám nghiệm hiện trường cùng bản ảnh hiện trường, kết luận định giá tài sản, vật chứng vụ án đã thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Xét thấy, hành vi của bị cáo H đã đốt rác dưới sàn nhà của bà L, lẽ ra khi đốt rác bị cáo phải nhận thức được rằng, ngọn lửa sẽ bùng phát và cháy lớn và phải có biện pháp khắc phục, bị cáo phải thấy trước được hậu quả sẽ xảy ra, nhưng do vì quá vì quá tự tin nên bị cáo để mặc cho hậu quả xảy ra, ngọn lửa cháy cao nên đã gây ra hậu quả làm cháy nhà của bà L, bà N, bà Nguyễn Thị Q làm thiệt hại tài sản tổng cộng 691.202.000 đồng, đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo H phạm tội "*Vô ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản"* được quy định tại khoản 2 Điều 180 Bộ luật Hình sự như phần luận tội của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo H là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác mà còn gây mất an ninh, tại địa phương, do đó cần phải xử lý nghiêm, phù hợp với tính chất và mức độ mà bị cáo gây ra qua đó cũng nhằm mục đích giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, đấu tranh phòng và chống tội phạm chung trong giai đoạn hiên nay.

[5] Tuy nhiên xét, quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo H có thái độ khai báo thành khẩn, thể hiện sự ăn năn hối cải, trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, tại phiên tòa các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, xét thấy bị cáo H có nơi cư trú rõ ràng, nên không cần thiết cách ly bị cáo khỏi xã hội, cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ theo đề nghị của kiểm sát viên cũng đủ răng đe giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt.

Bị cáo H là thành phần lao động nghèo, không có có việc làm ổn định do đó Hội đồng xét xử cho bị cáo H miễn khấu trừ thu nhập. Tuy nhiên, bị cáo H

phải thực hiện lao động phục vụ cộng đồng tại địa phương trong thời gian cải tạo không giam giữ.

[6] Xử lý vật chứng:

- 02 cục giấy nhựa, bị cháy than hóa, không rõ hình dạng, kích thước 7,5cm x 4,5cm x 03cm và 5,5cm x 5,5cm x 03cm, là vật chứng của vụ án, không còn giá trị sử dụng, do đó căn cứ vào Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy;

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan Điều tra - Công an thị xã Tân Châu với Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu ngày 11/6/2020).

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Anh Lê Đ D đại diện theo ủy quyền cho bị hại bà Trương T N yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại tài sản cho bà Ntổng cộng 380.297.500 đồng, Anh Trương Q Th đại diện theo ủy quyền cho bị hại bà Nguyễn Thị B Lyêu cáo phải bồi thường thiệt hại tài cho bà L tổng cộng 231.900.500 đồng. bị cáo H đồng ý bồi thường thiệt hại, xét thấy việc thỏa thuận bồi thường thiệt hại giữa bị cáo và bị hại là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử căn cứ Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự Điều 584, Điều 585 Điều 586, Điều 592 Bộ luật dân sự năm 2015 công nhận sự thỏa thuận này, bị cáo H có trách nhiệm bồi thường thiệt hại tài sản cho Trương T N số tiền 380.297.500 đồng, bồi thường thiệt hại tài sản bà Nguyễn Thị B Lsố tiền 231.900.500. Đối với bà Nguyễn Thị Q có thiệt hại tài sản, nhưng không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại, do đó không đề cập giải quyết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[9] Về án phí: Bị cáo H phải chịu *200.000 (hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm 30.609.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 180; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36, Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Th H phạm tội "*Vô ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản"*.

Xử phạt: Bị cáo Trần Th H (Tèo) 03(ba) năm cải tạo không giam giữ

Thời hạn chấp hành hình phạt chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ kể từ ngày Ủy ban nhân dân xã L Ch, thị xã T Ch, tỉnh An Giang nhận được quyết định thi hành án

Giao bị cáo Trần Th H để giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Gia đình của bị cáo Trần Th Hcho Ủy ban nhân dân xã L Ch, thị xã T Ch, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã L Ch, thị xã T Ch, tỉnh An Giang trong việc giám sát, giáo dục bị cáo Trần Thanh H

Bị cáo Trần Th H phải thực hiện lao động phục vụ cộng đồng tại địa phương trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Nếu trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì việc giám sát giáo dục trong thời gian thử thách thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 100 của Luật thi hành án hình sự. năm 2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585 Điều 586, Điều 592 Bộ luật dân sự năm 2015,

Công nhận sự thỏa thuận bồi thường thiệt hại tài sản giữa bị cáo Trần Th Hvà anh Lê Đ D đại diện theo ủy quyền cho bị hại bà Trương T N và anh Trương Q Th đại diện theo ủy quyền cho bị hại bà Nguyễn Thị B L, bị cáo Trần Th Hcó trách nhiệm bồi thường thiệt hại tài sản cho Trương T N số tiền 380.297.500 đồng, bồi thường thiệt hại tài sản bà Nguyễn Thị B Lsố tiền 231.900.500 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

* Tịch thu tiệu hủy: 02 cục giấy nhựa, bị cháy than hóa, không rõ hình dạng, kích thước 7,5cm x 4,5cm x 03cm và 5,5cm x 5,5cm x 03cm

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 11/6/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang với Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu tỉnh An Giang).

4. Về án phí: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án). Bị cáo Trần Th Hphải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 30.609.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Căn cứ Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại có mặt tại phiên được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:
- Viện KSND thị xã Tân Châu;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Nhà Tạm giữ;
- Phòng hồ sơ;
- Chi cục THADS thị xã Tân Châu;
- Bộ phận THA Tòa án;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Phạm Hòa Bình